| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Bích Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Võ Phi Anh Toàn;

Bà Trần Thị Quý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2024, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Mai Văn T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau. Được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông T tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 17/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ tháng

3/2021 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Thiên B, sinh ngày 29/9/2016. Do con chung ông T dẫn đi theo và hiện ông đang nuôi nên bà L đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Mai Văn T trình bày tại Bản tự khai và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/5/2025 như sau:* Ông với bà L tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau rồi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân khoảng 3 năm. Bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Hiện ông đang sinh sống tại Tổ B, ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con là Mai Thiên B, sinh ngày 29/9/2016. Cháu B hiện do ông T nuôi và đang học lớp 4. Ông T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, đồng ý bà L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà L và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Từ năm 2021, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn trên thực tế nên bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, xét con chung từ sau khi vợ chồng sống ly thân do ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà L đề nghị giao con cho ông T nuôi và ông T đồng ý; cháu B có nguyện vọng được sống chung với ông T. Việc giao con cho ông T nuôi là phù hợp, ghi nhận ý kiến của bà L về việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu được ly hôn với ông T, giao con cho ông T trực tiếp nuôi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T hiện đang cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà L và ông T đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 17/5/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T vì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân đến nay hơn 3 năm; ông T cũng thừa nhận điều này và đồng ý ly hôn. Nhận thấy, bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn trên thực tế từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt. Việc duy trì hôn nhân trong tình trạng này còn có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Do đó, việc bà L yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Thiên B, sinh ngày 29/9/2016. Cháu B hiện đang sống chung với ông T tại tỉnh Bình Dương. Bà L đề nghị giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; ông T đồng ý nuôi con; cháu B có nguyện vọng được ở chung với ông T. Do đó, cần giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L với bị đơn ông Mai Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Mai Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Mai Thiên B, sinh ngày 29/9/2016 cho ông Mai Văn T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị L về việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Đỗ Thị L và ông Mai Văn T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị L phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003343 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, bà L còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng; tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Huế**